

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HDND thị xã về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Phần thứ nhất

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HDND thị xã

I. Đặc điểm tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết

Ngay sau khi Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của Hội đồng nhân dân thị xã về việc ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được ban hành; UBND thị xã ban hành Kế hoạch số 296/KH - UBND ngày 04/4/2018 để triển khai thực hiện Nghị quyết và giao nhiệm vụ các phòng, ban chức năng và UBND các phường, xã căn cứ Kế hoạch để xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình, đồng thời lồng ghép đưa vào các chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm và tăng cường đôn đốc, chỉ đạo cơ sở thực hiện tốt các nội dung đã đề ra.

Chủ động phối hợp UBMT TQVN và các tổ chức đoàn thể thị xã để tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân trên địa bàn để tiếp cận được các chính sách của Nghị quyết để triển khai thực hiện, đồng thời phản hồi các thông tin, ý kiến của người dân trong quá trình triển khai để điều chỉnh bổ sung góp phần thực hiện thành công các mục tiêu nhiệm vụ Nghị quyết đề ra.

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết trên địa bàn, UBND thị xã đã chủ động lồng ghép các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh để thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp thị xã theo hướng bền vững, chất lượng và nâng cao thu nhập cho người dân. Đồng thời, tại các Hội nghị sơ kết, tổng kết nông nghiệp năm đã đánh giá kết quả, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết:

1. Tập trung tái cơ cấu nông nghiệp trên các lĩnh vực:

Nhìn chung, tình hình sản xuất nông - lâm - thủy sản những năm sau được ổn định và tăng cao hơn những năm trước. Thành phần cơ cấu kinh tế đa dạng, phù hợp hơn với đặc điểm từng vùng; xây dựng, định hướng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng vùng và phù hợp với điều

kiện sản xuất của người dân. Thực hiện thâm canh tăng vụ, luân canh cây trồng, đưa giống cây trồng mới, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích. Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản đạt năm 2020 ước đạt 113.530 triệu đồng, tăng 20.093,9 triệu đồng so với năm 2017¹, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020 là 6,7%, cụ thể ở một số lĩnh vực như sau:

* *Lĩnh vực Trồng trọt*: Cơ cấu mùa vụ có sự chuyển biến theo hướng tích cực. Đưa các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất đại trà, chuyển dịch từ sản xuất số lượng sang chú trọng chất lượng, gắn với thị trường đã góp phần tăng năng suất, sản lượng và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác. Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, năng suất, sản lượng cây trồng đều tăng qua các năm, thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản được mở rộng. Công tác phòng chống thiên tai, phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng ngày càng được chú trọng; cùng với sự hỗ trợ giống mới của nhà nước người dân đã tăng cường đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích. Tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2017-2020 là 8,04%, tỷ trọng ngành trồng trọt trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp năm 2020 giảm 1,81%² so với năm 2017; Năm 2020, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 3.434,4 tấn, tăng 230,5 tấn so với năm 2017³. Mô hình trồng hoa với quy mô 0,5 ha được duy trì, đến năm 2020 phát triển thử nghiệm thêm mô hình trồng hoa Hướng dương ở xã Hải Lệ với quy mô 0,5 ha. Một số mô hình mới có ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất được đầu tư áp dụng như: Mô hình trồng cây ăn quả có áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt, mô hình trồng ném có áp dụng hệ thống tưới phun sương,... đã hạn chế sự ảnh hưởng, bất lợi của thời tiết.

* *Lĩnh vực Chăn nuôi*: Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành chăn nuôi giai đoạn 2017-2020 là 13,4%, tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp trong những năm qua luôn đạt trên 50%, trong năm 2020 tỷ trọng ngành đạt 57,67%, tăng 2,29% so với năm 2017. Công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được chỉ đạo thường xuyên đến tận hộ chăn nuôi; nhiều mô hình chăn nuôi mới, áp dụng tốt khoa học kỹ thuật, chăn nuôi thâm canh, bán thâm canh theo hướng gia trại được hình thành và phát triển. Chất lượng con giống được cải thiện, tỷ lệ bò lai đạt cao trên 88%. Sản xuất chăn nuôi cơ bản đáp ứng nhu cầu thực phẩm trên địa bàn, sản lượng thịt xuất chuồng năm 2020 ước đạt 1.560 tấn, tăng 302,6 tấn so với năm 2017⁴.

* *Lĩnh vực thủy sản*: Tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực thủy sản giai đoạn 2017-2020 là 5,47%; tỷ trọng ngành thủy sản năm 2020 đạt 18 %, tăng 2,24% so với năm 2017. Sản lượng thủy sản năm 2020 ước đạt 326 tấn. Giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản trên 01 ha năm 2020 ước đạt 66,5 triệu đồng, tăng 4,7 triệu đồng so với năm 2017.

¹ Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản năm 2017: 18.612,8 triệu đồng

² Tỷ trọng ngành trồng trọt năm 2020 là 40,8%, năm 2017 là 42,65%.

³ Sản lượng lương thực có hạt năm 2017: 3.204 tấn

⁴ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2017 đạt 1.257,4 tấn.

* *Lĩnh vực lâm nghiệp*: Tiếp tục phát triển ổn định, giá trị sản phẩm rừng đem lại ngày càng cao; công tác trồng chăm sóc, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng được chú trọng. Tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực lâm nghiệp giai đoạn 2017-2020 là 5,59%, giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2020 ước đạt 13.000 triệu đồng, tăng 1.957,2 triệu đồng so với năm 2017; Tỷ trọng ngành lâm nghiệp năm 2020 ước đạt 12,1% trong cơ cấu ngành. Diện tích rừng trồng tập trung năm 2020 ước đạt 200 ha, tăng 1,8 ha so với năm 2017; tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 ước đạt 58 %. Định hướng hình thành và phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn, chuyển hóa trồng rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn.

2. Tổ chức sản xuất nông nghiệp; Xúc tiến thương mại và tiêu thụ nông sản:

*** Tổ chức sản xuất nông nghiệp:**

- Đã kiện toàn lại Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể thị xã Quảng Trị, theo đó đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách các phường xã để hỗ trợ tư vấn phát triển kinh tế tập thể ở các phường xã, mà nòng cốt là các Hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế tập thể thị xã giai đoạn 2021 - 2030, để định hướng phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn. Chỉ các hợp tác xã đến nhiệm kỳ tổ chức Đại hội theo quy định của Luật năm 2012.

- Đã thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ hợp tác xã: Chính sách đào tạo tập huấn nâng cao năng lực, chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn, chính sách ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia các chương trình dự án. Đặc biệt, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: Thực hiện thông tư 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của BNN&PTNT về hướng dẫn điều kiện hỗ trợ cơ sở hạ tầng HTX nông nghiệp, đã hỗ trợ 560 triệu đồng cho các HTX xây dựng tuyến kênh mương (năm 2019 hỗ trợ HTX Tích Tường 200 triệu đồng; năm 2020 hỗ trợ HTX Như Lệ 360 triệu đồng). Ngoài ra, từ nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35 của Chính phủ các phường, xã đã tạo điều kiện để các HTX, THT đầu tư xây dựng và sửa chữa các tuyến kênh trên địa bàn, đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất lúa 2 vụ.

- Hàng năm, sớm ban hành thông báo lịch thời vụ và cơ cấu giống để các Hợp tác xã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất; công tác phòng trừ sâu bệnh hại, phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn được chỉ đạo, hướng dẫn thường xuyên.

* *Xúc tiến thương mại và tiêu thụ nông sản*: Hỗ trợ tìm kiếm các đối tác, mời gọi, thu hút doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu gắn với liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh công tác quảng bá xúc tiến thương mại thông qua các cuộc hội chợ, triển lãm. Xây dựng nhãn hiệu cho các nông sản hàng hóa đặc trưng. Đã hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các hội chợ để quảng bá và giới thiệu nông sản, máy móc và đồ mỹ nghệ trên địa bàn, cụ thể: Trong năm 2019 đã tham gia 02 hội chợ trên địa bàn tỉnh:

- Hội chợ thương mại và quảng bá du lịch Quảng Trị tổ chức tại thành phố Đông Hà có 03 doanh nghiệp trên địa bàn tham gia:

+ Công ty TNHH MTV Châu Tuấn Thành (đồ gỗ mỹ nghệ).

+ Công ty TNHH MTV Khải Hoàn (máy móc nông cụ).

+ Cơ sở sản xuất Liên Giang (tinh bột nghệ, bột ngũ cốc, trà thảo mộc,...).

- Hội chợ triển lãm thương mại du lịch huyện Vĩnh Linh có 02 doanh nghiệp tham gia:

+ Công ty TNHH MTV Châu Tuấn Thành (đồ gỗ mỹ nghệ).

+ Cơ sở sản xuất Liên Giang (tinh bột nghệ, bột ngũ cốc, trà thảo mộc,...).

Bên cạnh đó, trong năm đã hỗ trợ nâng cấp hoàn thiện hồ sơ cho 02 sản phẩm của cơ sở sản xuất Liên Giang dự thi đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP, được UBND tỉnh công nhận 02 sản phẩm (Tinh bột nghệ nguyên chất, bột ngũ cốc dinh dưỡng) đạt 03 cấp tỉnh. Đến năm 2020, tiếp tục hỗ trợ cho cơ sở sản xuất Tâm Nhiên, cơ sở sản xuất Liên Giang hoàn thiện sản phẩm OCOP; mở ra cơ hội để sản phẩm trên địa bàn khẳng định thương hiệu và phát triển xúc tiến thương mại cho sản phẩm.

3. Kết quả ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Trong thời gian qua đã tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; nâng cao năng suất, chất lượng giống cây trồng, vật nuôi đáp ứng được nhu cầu thị trường, nâng cao thu nhập cho người dân, cụ thể:

- **Đối với giống cây trồng:** Tích cực ứng dụng, lựa chọn những giống cây trồng mới có chất lượng cao vào sản xuất; đồng thời khuyến cáo người dân sử dụng các loại giống có nguồn gốc rõ ràng, giống tiên bộ kỹ thuật, được nghiên cứu khảo nghiệm từ 3 vụ trở lên, giống kháng hoặc ít nhiễm sâu bệnh, sử dụng giống xác nhận nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích. Qua đó, đã chọn bộ giống chất lượng cao, phù hợp với điều kiện lập địa để đưa vào sản xuất đại trà như: Các giống lúa như: HT1, P6, PC6, RVT, Thiên ưu 8, LDA1, HN6,...; Giống ngô: HN88, HN68, DK6919, LVN10,... Năm 2019, đã thực hiện mô hình ứng dụng chế phẩm men vi sinh Trioderma ở phường An Đôn để ủ hoai mục rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp tạo ra lượng phân hữu cơ bón cho cây, hạn chế ô nhiễm môi trường. Đồng thời có tính chất cải tạo đất, tăng độ tơi xốp và độ phì cho đất. Chế phẩm này có tác dụng ngăn ngừa tốt các bệnh thối rễ, lở cổ rễ, thối thân... cho tất cả các loại cây trồng. Nâng cao hiệu quả trong việc phòng ngừa các loại bệnh do tuyến trùng hại rễ, làm cho đất sản xuất ngày càng sạch hơn.

- **Đối với lĩnh vực chăn nuôi:** Thực hiện có hiệu quả chương trình cải tạo đàn bò, đưa tỷ lệ đàn bò lai chiếm trên 88% so với tổng đàn. Bên cạnh, việc đưa vào sản xuất các giống lợn lai, vịt lai,.. để tăng năng suất và đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người chăn nuôi; trên địa bàn còn bảo tồn và phát triển mô hình chăn nuôi hươu sao lấy nhung để bảo tồn nguồn gen và phát triển sản phẩm nhung hươu. Đồng thời, thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học trên đệm lót sinh học, chăn nuôi gia súc kết hợp xây hầm khí biogas; giúp vệ sinh chuồng nuôi,

hạn chế mùi hôi, môi trường chăn nuôi sạch sẽ, hạn chế dịch bệnh và sử dụng năng lượng tái tạo trong chăn nuôi, phù hợp với chăn nuôi vùng đô thị.

- **Đối với lâm nghiệp:** Đã tích cực ứng dụng những giống keo lai giảm hom có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất; góp phần thúc đẩy nhanh việc trồng rừng thâm canh, đưa năng suất và chất lượng gỗ rừng trồng tăng lên.

4. Việc rà soát, điều chỉnh và tăng cường công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch

Thực hiện tốt công tác quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch. Đặc biệt, việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng NTM xã Hải Lệ đến năm 2030, định hướng đến năm 2040, đến nay thị xã đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch⁵ và chỉ đạo xã Hải Lệ tiếp tục hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch để triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, đang hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng phục vụ sản xuất:

- Về hệ thống Thủy lợi: Kiên cố hoá kênh mương. Ngoài ra hằng năm sửa chữa, nạo vét các tuyến kênh mương để đảm bảo phục vụ tưới tiêu.

- Về giao thông nội đồng: Đang hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội đồng, các tuyến đường chính sản xuất, đảm bảo thuận lợi trong quá trình vận chuyển và sản xuất.

Xác định quy hoạch là định hướng, là kim chỉ nam cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch xây dựng cơ bản, phát triển ngành, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có quy mô lớn. Trong thời gian qua đã tập trung chỉ đạo các đơn vị, mà nòng cốt là các hợp tác xã tổ chức lại sản xuất theo hướng chuỗi giá trị, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo sản phẩm đầu ra cho các thành viên. Đã xây dựng được một số mô hình chăn nuôi tập trung như mô hình nuôi lợn, mô hình chăn nuôi hươu sao lấy nhung,... mô hình nuôi trồng thủy sản, mô hình kinh tế vườn rừng,...

5. Công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm

Hằng năm, UBND các xã phường giao cho hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên rà soát nhu cầu học nghề các hộ dân trên địa bàn chọn nghề, tham gia học nghề theo đúng nguyện vọng, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và định hướng của thị trường. Trên cơ sở đó, các cơ quan chuyên môn đã xây dựng kế hoạch đào tạo để tham mưu UBND thị xã đăng ký theo quy định; Trong các năm 2018, 2019, 2020 Trung tâm GDNN - GDTX thị xã tổ chức công tác đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho lao động trên địa bàn là 12 lớp với 318 người tham gia, kinh phí 389,84 triệu đồng.

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động và đánh giá phân loại các hợp tác xã, tổ chức 02 Hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn đánh giá phân loại cho các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát các hợp tác xã với 105 lượt người tham gia; qua đây để nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX đặc biệt là việc củng cố xây dựng HTX kiểu mới góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nâng cao thu nhập.

⁵ Đến nay, UBND Thị xã đã ban hành quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 4/5/2019 về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, điều chỉnh quy hoạch và dự toán đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng NTM xã Hải Lệ đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

Bên cạnh đó, đã tham mưu thị xã mời gọi các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, chế biến các mặt hàng nông lâm sản trên địa bàn, đã đào tạo và giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn.

6. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ tái cơ cấu

Qua hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, với sự tập trung chỉ đạo UBND thị xã, tỉnh đã có nhiều chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển, nhân rộng và xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp mới nên Đề án đã triển khai được một số kết quả sau:

Đã tiến hành tập huấn chuyển giao 4 lớp tập huấn kỹ thuật (1 lớp kỹ thuật trồng ngô lai mới, 1 lớp trồng nghệ, 01 lớp kỹ thuật sử dụng đệm lót sinh học. 01 lớp chăn nuôi gà an toàn sinh học) cho người dân trên địa bàn với hơn 208 người tham gia, với kinh phí 21,18 triệu đồng. Tổ chức công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn 7 lớp với 188 người tham gia, kinh phí 209,86 triệu đồng.

Qua đó đã chuyển giao được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để người dân áp dụng vào sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng các cây trồng vật nuôi và bước đầu đã hình thành được một số mô hình:

- Mô hình trồng nghệ, gừng: Thực hiện năm 2018 tại xã Hải Lệ và phường An Đôn với tổng diện tích 2,36 ha. Trong đó: xã Hải Lệ 0,76 ha diện tích đất trồng nghệ với 15 hộ sản xuất; Phường An Đôn 1,5ha diện tích trồng nghệ với 25 hộ sản xuất và 0,1 ha trồng gừng với 07 hộ sản xuất, với tổng kinh phí 59,2 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 17,76 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 41,44 triệu đồng). Qua mô hình đã giúp người dân nâng cao kỹ thuật trong trồng và chăm sóc gừng nghệ, nâng cao năng suất và thu nhập cho người dân.

- Mô hình trồng sen nuôi cá: Thực hiện năm 2018 tại phường 2, với diện tích 2 ha, kinh phí thực hiện 35 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 15 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 20 triệu đồng). Đây là mô hình được đánh giá có hiệu quả kinh tế cao, mô hình này đã tận dụng diện tích sản xuất lúa thấp trũng, kém hiệu quả chuyển đổi qua mô hình hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với trồng lúa.

- Mô hình trồng cỏ nuôi bò: Thực hiện năm 2018 tại xã Hải Lệ, với quy mô 01 ha với 02 hộ tham gia, kinh phí nhà nước hỗ trợ 26 triệu đồng. Đây là mô hình được người dân quan tâm đầu tư theo hướng bán thâm canh, nhưng trong thời gian nuôi giá bò giảm mạnh, hiệu quả đem lại thấp nên các hộ chăn nuôi đã không tiếp tục duy trì đầu tư theo hướng nuôi nhốt tập trung mà chuyển sang nuôi thả.

- Mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung: Thực hiện năm 2018 tại xã Hải Lệ, đã thành lập tổ hợp tác nuôi hươu có 19 tổ viên, để thúc đẩy mô hình phát triển trở thành sản phẩm chủ lực của địa phương, với tổng kinh phí 496,75 triệu đồng, trong đó: Nhà nước hỗ trợ 251 triệu đồng (*hỗ trợ mua giống 39 con kinh phí 245,75 triệu đồng, tập huấn 5,25 triệu đồng*) từ nguồn kinh phí Chương trình MTQG xây dựng NTM, nhân dân đóng góp 245,75 triệu đồng. Đã tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi hươu với 50 hộ tham gia. Hiện nay đã có 21 hộ nuôi

với tổng số 86 con. Qua theo dõi, mô hình nuôi hươu phát triển tốt và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên mô hình này đòi hỏi đầu tư vốn ban đầu để mua con giống và chuồng trại khá lớn, mặt khác khi mở rộng quy mô cần chú trọng đến công tác tổ chức giới thiệu quảng bá sản phẩm và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Mô hình trồng ném: Thực hiện năm 2018 tại xã Hải Lệ, với diện tích 1,3ha của Hợp tác xã khai thác cát sạn và sản xuất vật liệu xây dựng Như Lệ với tổng kinh phí 227,85 triệu đồng, trong đó: Nhà nước hỗ trợ 49 triệu đồng (*hỗ trợ kinh phí mua giống 46,3 triệu đồng, mua phân bón 2,7 triệu đồng*), Hợp tác xã đóng góp 178,85 triệu đồng. Đây là mô hình trồng ném tập trung có quy mô lớn, bước đầu đã tạo được công ăn việc làm cho hơn 30 lao động thực hiện theo thời vụ và đem lại thu nhập khá. Cần mở rộng diện tích trồng theo hướng hàng hóa, có áp dụng hệ thống tưới, có liên kết tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo đầu ra ổn định cho thành viên Hợp tác xã.

- Mô hình trồng cây ăn quả: Thực hiện năm 2019, tại phường An Đôn, với 26 hộ tham gia, kinh phí thực hiện 71,05 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 26,866 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 44,184 triệu đồng), số cây ăn quả được hỗ trợ 1.112 cây (155 cây cam, 925 cây bưởi da xanh và 30 cây ổi). Hiện nay mô hình trồng cây ăn quả đang phát triển tốt, qua theo dõi mô hình trồng cây ăn quả phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng tại phường An Đôn.

- Mô hình trồng gừng trong bao cát: Thực hiện năm 2019, tại phường An Đôn, mô hình do Hội LHPN phường An Đôn tổ chức thực hiện cho 10 hội viên tham gia, với kinh phí thực hiện 27 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 8,1 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 18,9 triệu đồng). Đây là mô hình mới, tiết kiệm diện tích đất sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích.

- Mô hình trồng cây ăn quả có ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt theo công nghệ ISRAEL: Thực hiện năm 2019, tại xã Hải Lệ, với tổng kinh phí thực hiện 268,8 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 100 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 168,8 triệu đồng); mô hình hỗ trợ cây giống và 30% chi phí hệ thống tưới. Đây là mô hình có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cao vào sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, là mô hình điểm để tham quan học tập trên địa bàn. Hiện nay, mô hình đang phát triển tốt và cho thấy được hiệu quả rõ rệt của hệ thống tưới trong điều kiện thời tiết khô hạn. Năm 2020 đang triển khai mô hình tại phường An Đôn và xã Hải Lệ với quy mô 1,22 ha cho 2 nhóm hộ thực hiện với kinh phí ước thực hiện 274,2 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 100 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 174,2 triệu đồng).

- Mô hình hỗ trợ giống bò cái lai 25 - 50% máu ngoại: Thực hiện năm 2019 tại xã Hải Lệ, với 14 hộ hưởng nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo hưởng lợi, kinh phí thực hiện 198 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 100 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 98 triệu đồng). Mô hình đã hỗ trợ giống bò có chất lượng cho hộ nghèo phát triển sản xuất trên địa bàn, góp phần nâng cao tỷ lệ chất lượng bò lai trên địa bàn.

- Mô hình trồng đậu xanh: Thực hiện vụ Hè thu năm 2020 tại phường An Đôn, với 48 thành viên của Hợp tác xã An Đôn tham gia, kinh phí thực hiện

20,3 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 6 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 14,3 triệu đồng). Mô hình là điểm nhánh để người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất màu, hạn chế diện tích bỏ hoang trong vụ Hè thu. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các đợt nắng nóng kéo dài trong vụ Hè thu 2020 nên hiệu quả của mô hình đem lại không cao.

- Mô hình chăn nuôi gà bằng đệm lót sinh học: thực hiện năm 2020 tại phường 1, với 03 hộ tham gia, kinh phí thực hiện là 48,6 triệu đồng (ngân sách nhà nước hỗ trợ 11,7 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 36,9 triệu đồng). Mô hình giúp người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập gắn với bảo vệ môi trường, là điểm cho người dân trên địa bàn học tập nhân rộng.

Trong năm 2020, đang xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản bán thâm canh thuộc nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với quy mô 20 con cho nhóm hộ thực hiện. Mô hình là hạt nhân là điểm cung cấp bò thịt, bò giống chất lượng cho nông hộ trên địa bàn; là vệ tinh và điểm chăn nuôi liên kết với Trung tâm giống cây trồng vật nuôi tỉnh. Định hướng cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị.

Qua quá trình triển khai thực hiện các mô hình và định hướng nhu cầu của thị trường trong thời gian tới cần phát triển nhân rộng một số mô hình sau: Mô hình trồng sen nuôi cá; Mô hình trồng ném theo hướng liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình chăn nuôi bò lai, mô hình nuôi hươu lấy nhung và mô hình trồng cây ăn quả có ứng dụng hệ thống tưới và các mô hình trồng cây dược liệu.

Giai đoạn 2018 - 2020 có trên 14 loại mô hình được xây dựng và phát triển tập trung chủ yếu các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi; với 193 hộ hưởng lợi, ước tổng kinh phí lồng ghép các nguồn lực đầu tư: 2.168,93 triệu đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 916,426 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 1.241,324 triệu đồng. Trong nguồn vốn trên, vốn lồng ghép từ các chương trình dự án của trung ương, tỉnh để triển khai thực hiện 1.891,6 triệu đồng (Ngân sách tỉnh, Trung ương 826 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 1.065,6 triệu đồng) chiếm 87,2% tổng kinh phí thực hiện dự án.

Bên cạnh đó, UBND thị xã đã chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ lãi suất theo Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 và Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị trên địa bàn xã Hải Lệ; tổng doanh số cho vay lũy kế từ năm 2017 đến tháng 01 năm 2020 là 10.626 triệu đồng; tổng số tiền hỗ trợ lãi suất đã giải ngân lũy kế đến ngày 30/7/2020 là 808,6 triệu đồng (năm 2018: 294.129.802 đồng; năm 2019: 405.413.985 đồng; 7 tháng đầu năm 2020 hơn 109 triệu đồng). Đã góp phần rất lớn cho người dân trên địa bàn xã Hải Lệ mở rộng phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

7. Nguồn vốn thực hiện đề án (so với kế hoạch của đề án)

STT	Năm triển khai	Nội dung	Tổng nguồn vốn (Triệu đồng)	Trong đó: (Triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Nguồn vốn nhân dân đóng góp
1	2018	Mô hình trồng gừng, nghệ	59,2	17,76	41,44
2	2018	Mô hình trồng sen nuôi cá	35	15	20
3	2018	Tập huấn kỹ thuật trồng và chế biến tinh bột nghệ	5	5	0
4	2019	Mô hình trồng cây ăn quả	71,05	26,866	44,184
5	2019	Mô hình trồng gừng trong bao cát	27	8,1	18,9
6	2019	02 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi	11,18	11,18	
7	2020	Mô hình chăn nuôi gà bằng đệm lót sinh học	48,6	11,7	36,9
8	2020	Mô hình trồng đậu xanh	20,3	6	14,3
Tổng cộng			277,33	101,606	175,724

Tổng kinh phí thực hiện các nội dung của Nghị quyết trong 3 năm là 277,33 triệu đồng, trong đó: Ngân sách thị xã hỗ trợ 83,906 triệu đồng (chiếm 11,1% kế hoạch vốn thực hiện đề án trong 3 năm), kinh phí người dân đóng góp 175,724 triệu đồng.

Trong giai đoạn 2018 - 2020 tổng kinh phí thực hiện các nội dung của Nghị quyết (277,33 triệu đồng) chỉ chiếm 12,8% tổng kinh phí thực hiện các mô hình, dự án tái cơ cấu giai đoạn 2018 - 2020.

III. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân

1. Đánh giá chung:

Qua hơn 3 năm triển khai Đề án tái cơ cấu nông nghiệp thị xã, các chính sách đã được người dân tiếp cận; chính quyền địa phương đã quan tâm hơn đến công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, phát triển các mô hình kinh tế. Các chỉ tiêu đạt và vượt Nghị quyết 32/NQ-HĐND, cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông lâm thủy sản giai đoạn 2017-2020 đạt 6,71%/ năm (Nghị quyết 4 - 6%/ năm);

- Tỷ trọng các ngành được ổn định, trong đó ngành chăn nuôi luôn chiếm trên 50%: Năm 2020 là 57,67% (Nghị quyết 50%);

- Năm 2020 sản lượng lương thực có hạt 3.434 tấn (Nghị quyết 3.300 tấn/năm);

- Tỷ lệ che phủ ước đạt 58 % (Nghị quyết 57%);...

Các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học được triển khai áp dụng, năng suất, sản lượng các loại cây trồng đều tăng lên qua các năm; chất lượng giống cây trồng, vật nuôi mới có được cải thiện, tỷ lệ bò lai đạt cao trên 88%. Công nghệ, kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn đã được phát triển và ứng dụng trên địa bàn, đã chứng tỏ tính ưu việt đột phá trong canh tác nông nghiệp so với phương thức tưới truyền thống về nhiều mặt như tiết kiệm đáng kể lượng nước tưới, tiết kiệm phân bón, giảm công chăm sóc, tăng năng suất, cải thiện thu nhập người dân và góp phần bảo vệ môi trường; về mặt môi trường, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước sẽ giảm ô nhiễm môi trường nhờ sử dụng hợp lý và tiết kiệm phân bón, hạn chế suy thoái tài nguyên nước ngầm. Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt được chuyển giao vào áp dụng như: Chăn nuôi gà đệm lót sinh học, xây dựng hầm khí Biogas,... hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình khô hạn và ô nhiễm môi trường. Bên cạnh những chỉ tiêu đạt được vẫn còn một số chỉ tiêu không đạt:

- Giá trị thu nhập bình quân/ 01 ha canh tác mới đạt 70 triệu đồng (Nghị quyết 90 triệu đồng);

- Đang hoàn thiện hồ sơ để xây dựng được mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm (Nghị quyết 01 - 02 mô hình).

- Mới định hướng chứ chưa xây dựng được vùng sản xuất rau an toàn, trồng hoa tập trung đạt quy mô 01 ha (Nghị quyết 01 - 02 vùng).

- Chưa xây dựng được vùng sản xuất cây ăn quả tập trung với diện tích 20 ha (do gặp vướng mắc trong chuyển đổi mục đích sử dụng rừng).

2. Tồn tại, hạn chế:

- Việc chuyển đổi hình thành các mô hình sản xuất còn chậm, chưa phát huy được hiệu quả. Các mô hình mang tính nhỏ lẻ, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong sản xuất nông nghiệp; các mô hình lúa hữu cơ chưa được triển khai thực hiện; mô hình trồng rừng cây gỗ lớn, trồng rừng cấp chứng chỉ FSC chưa triển khai được.

- Các mô hình sản xuất được hình thành những năm trước hiện nay có một số không được duy trì phát triển. Việc nhân rộng và phát triển mô hình rau an toàn tại phường An Đôn gặp khó khăn về thời tiết; mô hình hoa tập trung khó triển khai do người dân chưa mạnh dạn đầu tư.

- Sau khi tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012, các hợp tác xã chưa đổi mới ngành nghề dịch vụ sản xuất kinh doanh mà chỉ tập trung vào các

dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Bảo vệ thực vật, khuyến nông, bảo vệ sản xuất, cung ứng giống, vật tư nông nghiệp, tín dụng nội bộ, làm đất - thu hoạch; các dịch vụ kết nối tiêu thụ sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa,... chưa được chú trọng. Quy mô sản xuất còn manh mún, không đồng nhất về sản phẩm, chất lượng sản phẩm thấp. Năng lực cạnh tranh của hợp tác xã còn hạn chế, lợi nhuận thấp, lợi ích mang lại cho các thành viên còn ít. Việc xây dựng liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã để thực hiện dịch vụ đầu vào và ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm chưa thực hiện được.

- Quá trình dồn điền đổi thửa, hình thành cánh đồng lớn chưa thực hiện được, trên 01 cánh đồng sản xuất nhiều giống, chất lượng không đồng đều thiếu tính quy hoạch nên giá trị gia tăng đem lại không cao.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn còn bấp bênh đầu ra chưa ổn định vẫn còn phụ thuộc vào các giá cả thị trường "*Được mùa mất giá, được giá mất mùa*" nên hiệu quả đầu tư nông nghiệp không cao so với các ngành nghề khác nên chưa thu hút được các Doanh nghiệp vào đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, mà chủ yếu là các mô hình mang tính chất nhỏ lẻ được hỗ trợ từ nguồn vốn nhà nước.

2. Nguyên nhân:

*** Nguyên nhân khách quan:**

- Biến động giá cả thị trường, cùng với biến đổi khí hậu, thời tiết, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân.

- Một số cơ chế chính sách hỗ trợ chưa phù hợp, thiếu tính đồng bộ và rất khó áp dụng và thực tiễn như: Chính sách tín dụng, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm,...

- Quy mô diện tích sản xuất nông nghiệp của thị xã còn manh mún, nhỏ lẻ nên khó khăn trong việc hình thành vùng sản xuất có quy mô tập trung, xây dựng chuỗi giá trị sản xuất bền vững.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- Tỷ trọng sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của các địa phương (nhất là các phường) ít nên lãnh đạo một số phường chưa thực sự quan tâm chỉ đạo.

- Một số bộ phận người dân vẫn còn tâm lý thụ động, trong chờ ý lại vào sự hỗ trợ, bao cấp của Nhà nước, tâm lý sợ thua lỗ, sợ thất bại trong thực hiện các dự án, mô hình mới.

- Chính quyền một số đơn vị phường, xã chưa thực sự quan tâm dành nhiều tâm huyết đến việc xây dựng các mô hình nông nghiệp để phát triển kinh tế địa phương.

- Chưa thực hiện được công tác dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất nên không có đất với diện tích lớn để sản xuất.

- Các Hợp tác xã chưa xây dựng được chiến lược sản xuất kinh doanh dịch vụ theo hướng đa ngành, chủ yếu đang tập trung thực hiện một số dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp. Xu hướng liên kết giữa các hợp tác xã theo quy mô vùng chưa thực hiện được, chưa tổ chức các khâu dịch vụ thu mua sản phẩm, chưa tạo được sự liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng hóa cho thành viên, sức cạnh tranh thấp.

Phần thứ hai

Phương hướng thực hiện trong thời gian tới và các đề xuất, sửa đổi bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết

I. Phương hướng thực hiện trong thời gian tới

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã theo hướng bền vững, tạo ra các sản phẩm phù hợp với nông nghiệp ven đô, có năng suất chất lượng hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp hợp lý, phù hợp với điều kiện từng vùng và Nghị quyết Đại hội đại biểu thị xã Quảng Trị lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Định hướng giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông lâm thủy sản tăng 4-5%, hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát huy vai trò bà đỡ của các Hợp tác xã trong sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tập trung, thâm canh, chuyên canh, đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khai thác các tiềm năng lợi thế, góp phần tăng giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp. Trong đó, tiếp tục duy trì và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm ở vùng có lợi thế, theo hướng trang trại tập trung, bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường; hạn chế việc chăn nuôi trong khu vực nội thị. Khuyến khích các hộ chăn nuôi trong khu dân cư áp dụng các biện pháp để giảm thiểu vấn đề ô nhiễm môi trường như xây dựng hầm khí Biogas, sử dụng đệm lót sinh học, ... Thực hiện dồn điền đổi thửa ở các vùng có điều kiện sản xuất lúa tập trung, cải tạo các diện tích thấp trũng, đầm lầy để phát triển các mô hình kinh tế. Đồng thời duy trì quy mô và phương thức sản xuất đa dạng các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện và tập quán sản xuất của người dân, nâng cao thu nhập, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

II. Các đề xuất, sửa đổi bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết:

Qua hơn 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, một số nội dung và định mức hỗ trợ của Nghị quyết chưa phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn. Vì vậy, đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 quy định tại phụ lục 01, phần B như sau:

1. Tại mục II. Hỗ trợ giống đề nghị sửa đổi thành: **Mục II. Nội dung, định mức hỗ trợ mô hình.** Lý do: Trong 9 tiêu mục hỗ trợ có rất nhiều nội

dung hỗ trợ (giống, vật tư, tập huấn,...). Vì vậy tên đề mục hỗ trợ giống là không phù hợp.

2. Tại tiểu mục 2, mục II: Đối với giống rau:

- Tên tiêu đề tiểu mục 2, đề nghị sửa đổi: **Đối với mô hình trồng rau.**

- Tại ý thứ 3, tiểu mục 2. Sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/ mô hình. Đề nghị sửa đổi thành: **Mô hình sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.**

3. Tại tiểu mục 3, mục II: Đối với giống hoa:

- Tên tiêu đề tiểu mục 3, đề nghị sửa đổi: **Đối với mô hình trồng hoa.**

- Tại ý thứ 3, tiểu mục 3. Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí, không quá 200 triệu đồng/ mô hình. Đề nghị sửa đổi thành: **Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.**

Lý do điều chỉnh mục 2, 3: Để phát triển trồng rau và hoa theo hướng công nghệ cao hiện nay nhà nước đang có nhiều chính sách ưu tiên phát triển, tuy nhiên do nguồn lực và điều kiện của thị xã còn hạn chế chưa tiếp cận được. Vì vậy, cần đưa các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh vào hỗ trợ (giống, tập huấn, vật tư,...) để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện mô hình điểm trên địa bàn. Về định mức áp dụng theo: Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

4. Tại tiểu mục 4, mục II: Đối với giống cây ăn quả có múi:

- Tên tiêu đề tiểu mục 4, đề nghị sửa đổi: **Đối với mô hình cây ăn quả và cây dược liệu.**

Lý do: Trong các chính sách phát triển trồng cây ăn quả có rất nhiều loại cây trồng, vì vậy chỉ giới hạn cây có múi là không phù hợp. Bên cạnh đó, Trung ương, tỉnh đang khuyến khích phát triển cây dược liệu. Vì vậy, thị xã cũng nên đưa các loại cây trồng này vào với quy mô phù hợp với đặc thù của thị xã.

- Đề nghị bỏ toàn bộ nội dung ý thứ nhất, tiểu mục 4: *Cây giống cho hộ gia đình tham gia trồng mới cây ăn quả có múi với diện tích từ 01 ha trở lên: Hỗ trợ 50% chi phí, không quá 15 triệu đồng/ ha; diện tích hỗ trợ không quá 20ha/ năm.*

Lý do: Đối với chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh đối với cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu với quy mô tối thiểu 0,5 ha đã hỗ trợ: *Hỗ trợ tối đa 30% kinh phí xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm; Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và 30% chi phí ứng dụng*

chế phẩm sinh học, phân hữu cơ; Chi phí chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, ... Định mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/ha. Vì vậy, với chính sách của thị xã quy mô lớn hơn quy mô của tỉnh, mà định mức hỗ trợ thấp, chính sách hỗ trợ lại hạn chế nên khó triển khai thực hiện trên địa bàn.

- Đề nghị bỏ toàn bộ nội dung ý thứ hai, tiêu mục 4: *Nhóm hộ (có diện tích liền khoảnh) tham gia trồng mới cây ăn quả có múi với diện tích từ 3 ha trở lên: 10 triệu đồng/ha, tối đa không quá 50 triệu đồng/nhóm hộ; diện tích hỗ trợ không quá 10 ha/năm.*

Lý do: Với diện tích đất của thị xã nhỏ hẹp, manh mún để có vùng đất liền vùng liền thửa với quy mô 3 ha trở lên, cùng với các hộ có cùng sở thích để trồng cây ăn quả có múi là không phù hợp.

- **Đề nghị sửa đổi nội dung tiêu mục 4 như sau:**

+ **Ý thứ nhất: Mô hình cây ăn quả và cây dược liệu, với quy mô tối thiểu 0,4 ha: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu để thực hiện mô hình, 30% chi phí xây dựng hệ thống tưới. Định mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/01 ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.**

Lý do: Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh đối với cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu với quy mô tối thiểu 0,5 ha đã hỗ trợ (giống, vật tư, hệ thống tưới, ...) định mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/ha. Vì vậy, với diện tích nhỏ lẻ manh mún ở địa bàn thị xã nên giảm quy mô là 0,4 ha để cho những hộ có nhu cầu mà không đáp ứng đủ quy định của tỉnh, thì được hưởng chính sách của thị xã.

+ **Ý thứ hai: Hỗ trợ cải tạo vườn tạp sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu cho nhóm hộ (Những hộ có diện tích đất sản xuất tối thiểu 500 m², có cùng sở thích trồng cây ăn quả, cây dược liệu thành lập nhóm hộ, tổ nhóm hợp tác được UBND cấp xã chứng thực, với quy mô tối thiểu của nhóm là 01 ha (có thể không liền vùng, liền khoảnh)): Hỗ trợ 50% chi phí giống. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.**

Lý do: Với diện tích đất sản xuất ở các vùng tập trung như đất bãi bồi, ven sông để sản xuất các nông sản phục vụ chế biến, người dân trên địa bàn còn có phần diện tích đất vườn để phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế hộ. Tuy nhiên, do điều kiện của người dân còn khó khăn, thực hiện sản xuất còn nhỏ lẻ chưa có điều kiện để sản xuất cây trồng giá trị theo hướng quy mô, có liên kết trong tổ chức sản xuất; cần có chính sách để hỗ trợ vừa tạo hàng hóa tập trung, có tổ chức sản xuất, vừa chỉnh trang vườn tược của hộ gia đình, vừa tăng thu nhập, phù hợp với diện tích sản xuất manh mún trên địa bàn. Đối với định mức hỗ trợ hiện nay như: Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản khác: Định mức hỗ trợ giống ở vùng đồng bằng là 50% chi phí giống.

5. Đề nghị bỏ tiêu mục 5, mục II: Đối với giống cỏ: Hỗ trợ 70% kinh phí từ 0,5 ha trở lên (tối đa 10 triệu đồng/ha); quy mô 03-06 con bò/ mô hình.

Lý do: Đối với giống cỏ hiện nay có chính sách hỗ trợ trồng cỏ nuôi bò theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh với

định mức rất cao (gần 100%): Hỗ trợ 1,3 triệu đồng/ 500m² (để mua giống, phân bón, vôi), đối với hộ gia đình hỗ trợ tối đa 2.000 m² (5,2 triệu đồng), trang trại chăn nuôi bò hỗ trợ 5.000 m² (13 triệu đồng). Trên địa bàn, nhu cầu trồng cỏ hiện nay rất ít. Vì vậy, đối với chính sách của thị xã diện tích để hỗ trợ lớn (\leq 0,5 ha), định mức hỗ trợ lại thấp nên không phù hợp để áp dụng trên địa bàn. Khi có hộ tham gia nội dung hỗ trợ này thì hỗ trợ theo nguồn kinh phí và chính sách của tỉnh.

6. Tại tiểu mục 6, mục II: Đối với giống bò.

- Đề nghị bỏ ý thứ nhất, tiểu mục 6: Đối với xã Hải Lệ: Thực hiện theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.

Lý do: Hiện nay, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ năm 2018 trở đi thực hiện theo dự án chuỗi giá trị của Quyết định 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT nên hiện nay không bố trí kinh phí theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.

- Tại ý thứ 2, tiểu mục 6: Đối với các phường: Hỗ trợ 50% chi phí tại thời điểm hỗ trợ (mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ con) với quy mô hỗ trợ 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình. Đề nghị sửa đổi: **Đối với những vùng có điều kiện chăn nuôi bò bán thâm canh hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống bò cái (tỷ lệ lai tối thiểu 25% máu ngoại, trọng lượng tối thiểu 130 kg/ con) với quy mô 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình.**

Lý do: Hiện nay các chính sách của tỉnh, Trung ương đều tập trung nâng tỷ lệ bò lai, như Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh hỗ trợ 40% chi phí giống, tối đa 10 triệu đồng/ con, mỗi hộ không quá 02 con; với giá bò lai hiện tại (trọng lượng 160 kg/ con, tỷ lệ lai 50% máu ngoại) đơn giá hơn 20 triệu đồng/ con; theo Nghị quyết thị xã hỗ trợ 50% giá giống (không quá 05 triệu đồng/ con) là không phù hợp. Vì vậy, thị xã cần có chính sách nâng quy mô đàn, vừa nâng tỷ lệ bò lai, vừa tạo điều kiện cho những hộ không đáp ứng quy định của tỉnh, có điều kiện tiếp cận chính sách của thị xã. Định mức hỗ trợ áp dụng theo quy định Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.

7. Tại tiểu mục 8, mục II: Đối với mô hình cây, con khác:

- Đối với mô hình cây, con khác (cây dược liệu, nuôi hươu, dê,...) có hiệu quả cao, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ 30% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm. Đề nghị sửa đổi: **Đối với mô hình cây, con khác có hiệu quả, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm.**

Lý do: Tạo điều kiện cho những người dân có tâm huyết, học hỏi những mô hình mới, có sáng tạo ở các địa phương khác về áp dụng trên địa bàn có điều kiện để mở rộng quy mô và phát triển mô hình trên địa bàn. Về định mức chính sách về khuyến nông hỗ trợ 50% giá giống, hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực

hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; một số chính sách của tỉnh 40% chi phí giống nhưng để ưu tiên cho các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn nên đề nghị hỗ trợ 40% chi phí thực hiện mô hình.

8. Tại tiểu mục 9, mục II: Hỗ trợ KHCN, đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm.

- Tại ý thứ 2, tiểu mục 9. Phân tích mẫu đất, mẫu nước cho các vùng sản xuất rau an toàn và mô hình VietGAP: Hỗ trợ 100% kinh phí. Đề nghị sửa đổi: **Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ...**

Lý do: Để chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP gồm rất nhiều chi phí như: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, chi phí cấp giấy chứng nhận,... Định mức hỗ trợ áp dụng theo điều 8. Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ: 100% chi phí.

(Có bảng tổng hợp chi tiết điều chỉnh chính sách đính kèm)

9. Đề nghị bổ sung một số nội dung hỗ trợ như sau:

9.1. Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất trồng màu, đất trồng lúa thiếu nước tưới:

- Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu, cây gia vị... có quy mô liền vùng từ 01 ha trở lên được hỗ trợ 50% chi phí giống để chuyển đổi cơ cấu giống có chất lượng cao. Mỗi năm hỗ trợ không quá 20 ha.

- Đối với chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thiếu nước tưới, hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao với quy mô liền vùng từ 1 ha trở lên được hỗ trợ 50% chi phí giống, phân bón. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.

- Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu... có quy mô tập trung từ 05 ha trở lên có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm; được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Mỗi năm hỗ trợ không quá 30 ha.

Lý do: Hiện nay, diện tích trồng cây hàng năm trên địa bàn hơn 900 ha. Tuy nhiên, thời gian đây tình hình hạn hán, bệnh khảm lá sắn đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của người dân, để người dân có điều kiện tiếp cận nguồn lực hỗ trợ để chuyển đổi cây trồng có giá trị, nâng cao thu nhập; sản xuất theo định hướng xây dựng và nhân rộng cánh đồng lớn theo. Hiện nay, tỉnh đang khuyến khích xây dựng phương án chuyển đổi trên đất trồng lúa thiếu nước tưới.

Về định mức:

+ Theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh: Hỗ trợ sản xuất ngô, lạc hàng hóa hỗ trợ 60% chi phí giống.

+ Theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh: Hỗ trợ chuyển đổi trên đất trồng lúa thiếu nước tưới hỗ trợ 60% chi phí giống, 40% chi phí phân bón.

+ Theo Kế hoạch số 4907/KH-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh về xây dựng và nhân rộng mô hình cánh đồng lớn theo hướng chất lượng, hiệu quả và bền vững của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; với quy mô đầu các loại từ 5 ha trở lên được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu.

+ Theo Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông đối với vùng đồng bằng khi xây dựng mô hình được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu.

Để thống nhất trong thực hiện dự án khuyến nông nên đưa về định mức hỗ trợ 50% chi phí giống, 50% chi phí vật tư thiết yếu.

9.2. Hỗ trợ Hợp tác xã/ Tổ hợp tác có sản phẩm chủ lực xây dựng bao bì nhãn mác, truy suất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp: 100% chi phí. Mỗi năm hỗ trợ không quá 05 sản phẩm.

Lý do: Áp dụng theo điểm c, điều 9 tại Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; điểm a, khoản 4, điều 8 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh. Đồng thời hiện nay các bộ tiêu chí đánh giá hợp tác xã quy định rất cao, trong đó khuyến khích hợp tác xã phát triển sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát triển sản phẩm theo hướng bao bì nhãn mác, có truy suất nguồn gốc. Vì vậy, nên có chính sách hỗ trợ các HTX có điều kiện phát triển.

9.3 Hỗ trợ dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất; cải tạo đầm lầy xây dựng mô hình kinh tế với quy mô 01 ha trở lên được hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.

Lý do: Hiện nay trên địa bàn diện tích đất ruộng nhỏ lẻ, manh mún cần có chính sách khuyến khích dồn điền đổi thửa để xây dựng cánh đồng lớn; có một số diện tích đầm lầy quy mô lớn ở Hải Lệ, An Đôn chưa được cải tạo, còn để hoang hoặc mới tận dụng nuôi cá nên gây lãng phí đất sản xuất. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Về định mức: Theo điểm b, khoản 1, điều 5 Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ ha. Tuy nhiên, để thống nhất trên địa bàn tỉnh nên áp dụng theo điểm h, tiểu mục 3, mục III tại Kế hoạch số 4907/KH-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh.

9.4. Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi: Đối với những hộ chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con lợn nái hoặc 10 con lợn thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương được hỗ trợ:

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi (Biogas). Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 công trình/1 hộ;

- **Hỗ trợ tối đa 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 hộ.**

Lý do: Hiện nay, theo quy định của Luật Chăn nuôi, hộ chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp xử lý phân, nước thải chăn nuôi theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Vì vậy, việc hỗ trợ xây dựng hầm Biogas, chăn nuôi đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi hiện nay là vấn đề bức thiết, cần phải được quan tâm hỗ trợ. Định mức hỗ trợ: Áp dụng theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020. Đây là chính sách của Trung ương đã thực hiện những năm trước, tuy nhiên từ năm 2018 trở đi nguồn kinh phí này không được Trung ương bố trí, để đảm bảo cho việc chăn nuôi hiện nay trên địa bàn đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường cần bố trí nguồn vốn để duy trì chính sách này.

(Phục lục 01 bảng tổng hợp chi tiết sửa đổi, bổ sung chính sách đính kèm)

III. Nguồn vốn thực hiện đề án:

Tổng nguồn vốn thực hiện các mô hình, dự án giai đoạn 2021-2025 là 4.451 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách thị xã hỗ trợ: 1.761 triệu đồng;
- Kinh phí người dân đóng góp: 2.690 triệu đồng.

Phân kỳ đầu tư: Bình quân mỗi năm thực hiện các mô hình dự án là 690,2 triệu đồng/năm, trong đó:

- Ngân sách thị xã hỗ trợ: 312,2 triệu đồng/năm;
- Kinh phí người dân đóng góp: 378 triệu đồng/năm.

Riêng năm 2025, thực hiện 01 mô hình trồng hoa hoặc rau công nghệ cao với tổng kinh phí 1.000 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách thị xã hỗ trợ 200 triệu đồng, người dân đóng góp 800 triệu đồng. Nên tổng ngân sách thị xã bố trí năm 2025 là 512,2 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 đính kèm)

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025./. *mh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thị ủy, HĐND thị xã;
- CT, PCT KT thị xã;
- VP HĐND-UBND thị xã;
- Các cơ quan đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Sơn

**Phụ lục 01: BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH THEO
NGHỊ QUYẾT 32/NQ-HĐND NGÀY 27/12/2017 CỦA HĐND THỊ XÃ
(Kèm theo Báo cáo số 259/BC-UBND ngày 5 /12/2020 của UBND thị xã)**

I. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH:

STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi
1	Tại mục II. Hỗ trợ giống	Mục II. Nội dung, định mức hỗ trợ mô hình
2	Tại tiêu mục 2, mục II: Đối với giống rau	Đối với mô hình trồng rau.
-	<i>Sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/ mô hình.</i>	<i>Mô hình sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.</i>
3	Tại tiêu mục 3, mục II: Đối với giống hoa	Đối với mô hình trồng hoa.
-	<i>Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí, không quá 200 triệu đồng/ mô hình.</i>	<i>Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.</i>
4	Tại tiêu mục 4, mục II: Đối với giống cây ăn quả có múi	Đối với mô hình cây ăn quả và cây dược liệu.
-	<i>Cây giống cho hộ gia đình tham gia trồng mới cây</i>	<i>Mô hình cây ăn quả và cây dược liệu, với quy mô</i>



STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi
	ăn quả có múi với diện tích từ 01 ha trở lên: Hỗ trợ 50% chi phí, không quá 15 triệu đồng/ha; diện tích hỗ trợ không quá 20ha/năm.	tối thiểu 0,4 ha: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu để thực hiện mô hình, 30% chi phí xây dựng hệ thống tưới. Định mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/01 ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.
-	Nhóm hộ (có diện tích liền khoảnh) tham gia trồng mới cây ăn quả có múi với diện tích từ 3 ha trở lên: 10 triệu đồng/ha, tối đa không quá 50 triệu đồng/nhóm hộ; diện tích hỗ trợ không quá 10 ha/năm.	Hỗ trợ cải tạo vườn tạp sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu cho nhóm hộ (Những hộ có diện tích đất sản xuất tối thiểu 500 m ² , có cùng sở thích trồng cây ăn quả, cây dược liệu thành lập nhóm hộ, tổ nhóm hợp tác được UBND cấp xã chứng thực, với quy mô tối thiểu của nhóm là 01 ha (có thể không liền vùng, liền khoảnh)): Hỗ trợ 50% chi phí giống. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.
5	Tại tiểu mục 5, mục II: Đối với giống cỏ: Hỗ trợ 70% kinh phí từ 0,5 ha trở lên (tối đa 10 triệu đồng/ha); quy mô 03-06 con bò/ mô hình.	Bỏ, áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh
6	Tại tiểu mục 6, mục II: Đối với giống bò.	
-	Đối với xã Hải Lệ: Thực hiện theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.	Đề nghị bỏ nội dung này
-	Đối với các phường: Hỗ trợ 50% chi phí tại thời điểm hỗ trợ (mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/	Đối với những vùng có điều kiện chăn nuôi bò bán thâm canh hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua

STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi
	<i>con) với quy mô hỗ trợ 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình.</i>	<i>giống bò cái (tỷ lệ lai tối thiểu 25% máu ngoại, trọng lượng tối thiểu 130 kg/ con) với quy mô 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình.</i>
7	Tại tiêu mục 8, mục II: Đối với mô hình cây, con khác	
-	<i>Đối với mô hình cây, con khác (cây dược liệu, nuôi hươu, dê,..) có hiệu quả cao, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ 30% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm.</i>	<i>Đối với mô hình cây, con khác có hiệu quả, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm.</i>
8	Tại tiêu mục 9, mục II: Hỗ trợ KHCN, đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm.	
-	<i>Phân tích mẫu đất, mẫu nước cho các vùng sản xuất rau an toàn và mô hình VietGAP: Hỗ trợ 100% kinh phí.</i>	<i>Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,..</i>

* Ghi chú: Về lý do điều chỉnh, sửa đổi đã có giải trình trong nội dung báo cáo.

II. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
1	Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất trồng màu, đất trồng lúa thiếu nước tưới	
-	<i>Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu, cây gia vị... có quy mô liên vùng từ 01 ha trở</i>	<i>- Hỗ trợ 50% chi phí giống, để chuyển đổi cơ cấu giống có chất lượng cao; mỗi năm hỗ trợ không</i>

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
	<i>lên.</i>	<i>quá 20 ha.</i>
-	<i>Đối với chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thiếu nước tưới, hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao với quy mô liên vùng từ 1 ha trở lên.</i>	<i>Hỗ trợ 50% chi phí giống, phân bón; mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.</i>
-	<i>Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu... có quy mô tập trung từ 05 ha trở lên có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.</i>	<i>Được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Mỗi năm hỗ trợ không quá 30 ha.</i>
2	Hỗ trợ Hợp tác xã/ Tổ hợp tác có sản phẩm chủ lực xây dựng bao bì nhãn mác, truy suất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp.	Hỗ trợ 100% chi phí. Mỗi năm hỗ trợ không quá 05 sản phẩm.
3	Hỗ trợ dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất; cải tạo đầm lầy xây dựng mô hình kinh tế với quy mô 01 ha trở lên	Hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.
4	Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi:	
-	<i>Hỗ trợ tối đa 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi (Biogas).</i>	<i>Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 công trình/1 hộ;</i>
-	<i>Hỗ trợ tối đa 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi.</i>	<i>Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 hộ.</i>

*** Ghi chú:** Về lý do bổ sung đã có giải trình trong nội dung báo cáo.

Phụ lục 02: TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số **259**/BC-UBND ngày **5** /12/2020 của UBND thị xã)

TT	Nội dung mô hình, dự án	Quy mô, số lượng	Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		Tổng nguồn vốn thực hiện mỗi năm (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)	
				NS thị xã	Người dân đóng góp		NS thị xã	Người dân đóng góp
1	Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, sản xuất lúa hữu cơ	50 ha	179	102	77	35,8	20,4	15,4
	Giống lúa	4.000 kg	104	52	52	20,8	10,4	10,4
	Công cụ sạ hàng	50 cái	50	25	25	5	5	
	Tập huấn, chuyển giao TBKHKT	5 lớp	25	25		5	5	
2	Mô hình trồng rau, hoa		1.160	320	840	32	24	8
	Giống hoa, giống rau	2 ha	160	120	40	32	24	8
	Mô hình sản xuất hoa hoặc rau công nghệ cao	01 mô hình	1.000	200	800	0	0	0
3	Mô hình trồng cây ăn quả, cây dược liệu		430	205	225	86	41	45
	Mô hình có quy mô tối thiểu 0,4 ha	2 ha	180	80	100	36	16	20
	Mô hình cải tạo vườn tạp cho nhóm hộ	10 ha	250	125	125	50	25	25
4	Đối với giống bò	30 con	480	240	240	96	48	48
5	Đối với giống thủy sản	1 ha	150	68	82	30	13.6	16.4
6	Chi phí lồng nhôm nuôi cá chình	20 lồng	200	100	100	40	20	20
7	Hỗ trợ chuyển đổi trên đất trồng	30 ha	100	50	50	20	10	10

TT	Nội dung mô hình, dự án	Quy mô, số lượng	Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		Tổng nguồn vốn thực hiện mỗi năm (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)	
				NS thị xã	Người dân đóng góp		NS thị xã	Người dân đóng góp
	<i>lúa, đất màu hiệu quả thấp</i>							
	Giống lạc (05 ha)	1.000 kg	40	20	20	8	4	4
4	Giống ngô (05 ha)	100 kg	30	15	15	6	3	3
6	Giống đậu xanh (20 ha)	400 kg	30	15	15	6	3	3
8	<i>Hỗ trợ sản phẩm chủ lực của HTX, THT phát triển sản phẩm (20 triệu đồng/sản phẩm).</i>	<i>5 sản phẩm</i>	<i>100</i>	<i>100</i>		<i>20</i>	<i>20</i>	
9	<i>Hỗ trợ dồn điền đổi thửa, cải tạo đầm lầy</i>	<i>20 ha</i>	<i>300</i>	<i>100</i>	<i>200</i>	<i>60</i>	<i>20</i>	<i>40</i>
10	<i>Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi</i>		<i>552</i>	<i>176</i>	<i>376</i>	<i>110,4</i>	<i>35,2</i>	<i>75,2</i>
	Công trình Biogas	25 công trình	376	88	288	75,2	17,6	57,6
	Đệm lót sinh học	25 hộ	176	88	88	35,2	17,6	17,6
11	<i>Mô hình cây con khác</i>	<i>15 mô hình</i>	<i>800</i>	<i>300</i>	<i>500</i>	<i>160</i>	<i>60</i>	<i>100</i>
Tổng cộng			4.451	1.761	2.690	690,2	312,2	378